

Số: 80/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng  
trên địa bàn huyện Lạng Giang



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của  
Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình  
công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của  
Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn  
thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình  
công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 394/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận  
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn  
huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang gồm:

1. Đặt tên 50 tuyến đường, phố trên địa bàn thị trấn Vôi, trong đó 29 tuyến  
đường, 21 tuyến phố (Có Biểu số 01 kèm theo).

2. Đặt tên 48 tuyến đường, phố trên địa bàn thị trấn Kép, trong đó 35 tuyến  
đường, 13 tuyến phố (Có Biểu số 02 kèm theo).

3. Đổi tên đường, phố và điều chỉnh độ dài 06 tuyến đường, phố đã được  
đặt tên trên địa bàn thị trấn Vôi (Có Biểu số 03 kèm theo).

4. Đặt tên 01 công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Vôi (Có Biểu số 04 kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 14 thông qua. /.

Nơi nhận:

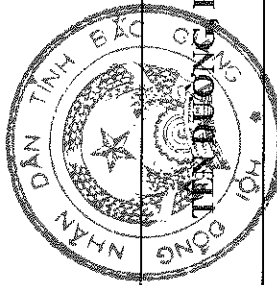
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Thu Hồng**

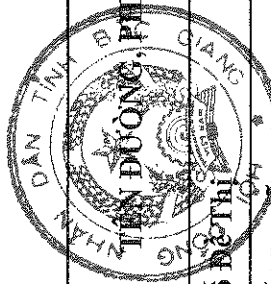
## BIỂU 01

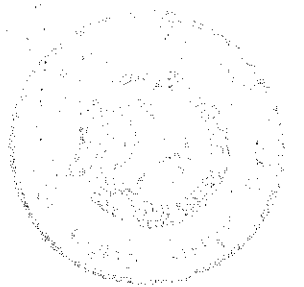
**ĐẶT TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG, PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN VỚI***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

| STT | TÊN ĐƯỜNG, PHỐ          | ĐIỂM ĐẦU                                                | ĐIỂM CUỐI                                    | CHIỀU DÀI (km) |
|-----|-------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------|
| I   | TÊN ĐƯỜNG               |                                                         |                                              |                |
| 1   | Đường Lê Quý Đôn        | Giao cắt với phố Lê Văn An                              | Giao cắt với đường Thân Nhân Tín             | 3.70           |
| 2   | Đường Thân Nhân Trung   | Giao cắt với đường Nhật Đức                             | Tiếp giáp với địa giới hành chính xã Mỹ Thái | 3.30           |
| 3   | Đường Trần Đăng Tuyển   | Tổ dân phố Sơn Lập                                      | Giao cắt với đường Thân Cảnh Vân             | 2.78           |
| 4   | Đường Nhật Đức          | Tại nút giao cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn tại xã Xương Lâm | Giao cắt với đường Giáp Hải                  | 2.6            |
| 5   | Đường Thân Cảnh Vân     | Giao cắt với đường Cần Trạm                             | Tiếp giáp ranh giới xã Mỹ Thái               | 2.40           |
| 6   | Đường Thân Nhân Tín     | Giao cắt với đường Cần Trạm                             | Tiếp giáp ranh giới xã Tân Thanh             | 2.20           |
| 7   | Đường Hoàng Quốc Thịnh  | Giao cắt với đường Nhật Đức                             | Giao cắt với phố Nguyễn Quang Cầu            | 2.00           |
| 8   | Đường Nguyễn Viết Chất  | Giao cắt với đường Thân Nhân Trung                      | Tiếp giáp ranh giới xã Mỹ Thái               | 1.60           |
| 9   | Đường Hoàng Quốc Việt   | Tại thôn Tân Hòa, xã Xương Lâm                          | Giao cắt với đường Cần Trạm                  | 1.50           |
| 10  | Đường Thân Khuê         | Giao cắt với đường Thân Nhân Tín                        | Giao cắt với đường Thân Cảnh Vân             | 1.40           |
| 11  | Đường Lương Văn Năm     | Giao cắt với đường Nguyễn Trãi                          | Giao cắt với đường Cả Trọng                  | 1.40           |
| 12  | Đường Nguyễn Trọng Tinh | Giao cắt với đường Ngô Thế Sơn                          | Giao cắt với đường Cần Trạm                  | 1.37           |
| 13  | Thân Nhân Vũ            | Giao cắt với đường Cần Trạm                             | Giao cắt với đường Trần Đăng Tuyển           | 1.32           |
| 14  | Đường Ngô Thế Sơn       | Tại thôn Nam Tiến 3, xã Xương Lâm                       | Giao cắt với đường Cần Trạm                  | 1.30           |
| 15  | Đường Hà Thị Quế        | Giao cắt với đường Giáp Hải                             | Tiếp giáp ranh giới xã Tân Thanh             | 1.05           |
| 16  | Đường Cả Trọng          | Giao cắt với đường Nguyễn Trãi                          | Giao cắt với đường Nhật Đức                  | 1.00           |

| STT | TÊN ĐƯỜNG, PHỐ         | ĐIỂM ĐẦU                               | ĐIỂM CUỐI                          | CHIỀU DÀI (km) |
|-----|------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|----------------|
| 17  | Đường Đặng Thị Nho     | Giao cắt với phố Lê Lý                 | Giao cắt với đường Hoàng Hoa Thám  | 0.98           |
| 18  | Đường Võ Văn Tần       | Giao cắt với đường Hồ Cát              | Tổ dân phố Sơn Lập                 | 0.98           |
| 19  | Đường Lê Sát           | Giao cắt với phố Lê Văn An             | Giao cắt với phố Trần Cung         | 0.95           |
| 20  | Đường Đinh Liệt        | Tiếp giáp ranh giới xã Tân Hưng        | Giao cắt với đường Nguyễn Trãi     | 0.90           |
| 21  | Đường Hà Huy Tập       | Giao cắt với đường Lê Lợi              | Giao cắt với đường Nhật Đức        | 0.88           |
| 22  | Đường Trịnh Hữu Chiêm  | Giao cắt với đường Cần Trạm            | Tổ dân phố Đại Phú 1               | 0.88           |
| 23  | Đường Nguyễn Thọ Vinh  | Giao cắt với đường Thân Cảnh Vân       | Tiếp giáp ranh giới xã Tân Dĩnh    | 0.79           |
| 24  | Đường Thân Toàn        | Giao cắt với đường Thân Hành           | Tại khu đô thị Tân Luận 3          | 0.74           |
| 25  | Đường Vương Văn Trà    | Tại khu đô thị phía Đông, thị trấn Vôi | Đường Cần Trạm                     | 0.74           |
| 26  | Đường Quảng Mô         | Giao cắt với đường Thân Cảnh Vân       | Tiếp giáp ranh giới xã Mỹ Thái     | 0.72           |
| 27  | Đường Kim Sơn          | Tổ dân phố Kim Sơn                     | Giao cắt với đường Giáp Hải        | 0.72           |
| 28  | Đường Nguyễn Đình Tuấn | Giao cắt với DT.295B                   | Giao cắt với đường Thân Nhân Trung | 0.72           |
| 29  | Đường Hà Chiêu         | Giao cắt với đường Thân Cảnh Vân       | Tiếp giáp ranh giới xã Tân Dĩnh    | 0.72           |
| II  | TÊN PHỐ                |                                        |                                    |                |
| 1   | Phố Chu Đình Xương     | Giao cắt với đường Hồ Cát              | Giao cắt với đường Giáp Hải        | 0.66           |
| 2   | Phố Thân Hành          | Giao cắt với phố Thân Nhân Tín         | Tại khu đô thị Tân Luận 2          | 0.64           |
| 3   | Phố Lưu Nhân Chú       | Giao cắt với phố Lê Bôi                | Giao cắt với đường Nguyễn Trãi     | 0.60           |
| 4   | Phố Mai Thị Vũ Trang   | Giao cắt với đường Trịnh Hữu Chiêm     | Giao cắt với đường Cần Trạm        | 0.60           |
| 5   | Phố Thống Nhất         | Giao cắt với đường Nhật Đức            | Giao cắt với đường Hồ Cát          | 0.60           |
| 6   | Phố Chu Đình Kỳ        | Giao cắt với đường Trường Chinh        | Giao cắt với đường Nguyễn Văn Cừ   | 0.58           |

| STT | ĐIỂM ĐẦU                         | ĐIỂM CUỐI                              | CHIỀU DÀI (km) |
|-----|----------------------------------|----------------------------------------|----------------|
| 7   | Tại thôn Đồng Lạc, xã Xương Lâm  | Giao cắt với đường Hoàng Hoa Thám      | 0.56           |
| 8   | Giao cắt với đường Nguyễn Trãi   | Giao cắt với phố Nguyễn Xuân Lan       | 0.54           |
| 9   | Giao cắt với đường Hồ Cát        | Giao cắt với đường Lê Quý Đôn          | 0.53           |
| 10  | Tiếp giáp ranh giới xã Yên Mỹ    | Giao cắt với đường Nguyễn Trãi         | 0.53           |
| 11  | Giao cắt với phố Lê Lý           | Giao cắt với phố Trần Cao              | 0.53           |
| 12  | Giao cắt với phố Nguyễn Hữu Cầm  | Giao cắt với đường Cầu Trạm            | 0.53           |
| 13  | Tiếp giáp ranh giới xã Yên Mỹ    | Giao cắt với đường Cầu Trạm            | 0.50           |
| 14  | Giao cắt với phố Đề Thị          | Tại khu đô thị phía Đông, thị trấn Vôi | 0.50           |
| 15  | Giao cắt với đường Hồ Cát        | Tổ dân phố Nguyễn                      | 0.50           |
| 16  | Giao cắt với đường Lê Lợi        | Giao cắt với đường Lê Lợi              | 0.48           |
| 17  | Tiếp giáp ranh giới xã Xương Lâm | Giao cắt với đường Cầu Trạm            | 0.45           |
| 18  | Giao cắt với đường Hồ Cát        | Giao cắt với đường Lê Quý Đôn          | 0.40           |
| 19  | Giao cắt với đường Lê Lợi        | Tổ dân phố Chu Nguyễn                  | 0.35           |
| 20  | Giao cắt với đường Nhật Đức      | Giao cắt với phố Đại Phú               | 0.34           |
| 21  | Giao cắt với đường Nhật Đức      | Giao cắt với đường Ngô Thế Sơn         | 0.30           |

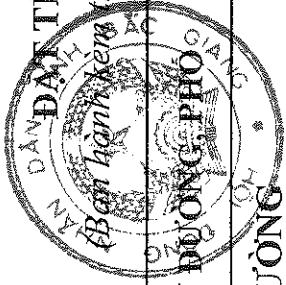




## BIỂU 02

**BIỂU 02**  
**TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG, PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN KẾP**

theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh



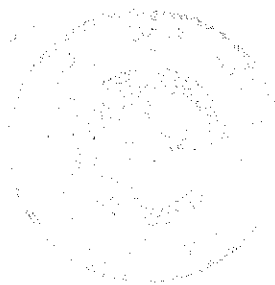
| STT      | TÊN ĐƯỜNG             | ĐIỂM ĐẦU                             | ĐIỂM CUỐI                        | CHIỀU DÀI (km) |
|----------|-----------------------|--------------------------------------|----------------------------------|----------------|
| <b>I</b> | <b>TÊN ĐƯỜNG</b>      |                                      |                                  |                |
| 1        | Đường Đặng Thế Công   | Giao cắt với đường Trần Hưng Đạo     | Tiếp giáp ranh giới xã Hương Lạc | 3.00           |
| 2        | Đường Nguyễn Hồng     | Giao cắt với đường Xuân Diệu         | Giao cắt với đường Đặng Thế Công | 2.60           |
| 3        | Đường Đào Toàn Bản    | Giao cắt với đường Chu Văn An        | Tiếp giáp ranh giới xã Hương Lạc | 2.50           |
| 4        | Đường Chu Văn An      | Giao cắt với đường Đặng Thế Công     | Tiếp giáp ranh giới xã Nghĩa Hòa | 2.50           |
| 5        | Đường Hoàng Cầm       | Giao cắt với đường Nguyễn Hồng       | Giao cắt với đường Đặng Thế Công | 2.40           |
| 6        | Đường Phạm Ngọc Thạch | Giao cắt với đường Xuân Diệu         | Tiếp giáp ranh giới xã Hương Lạc | 2.30           |
| 7        | Đường Xuân Diệu       | Tiếp giáp với ranh giới xã Hương Sơn | Giao cắt với đường Văn Cao       | 2.20           |
| 8        | Đường Nam Cao         | Giao cắt với đường Nguyễn Hồng       | Giao cắt với đường Đào Tùng      | 2.10           |
| 9        | Đường Trịnh Như Tấu   | Giao cắt với đường Nguyễn Hồng       | Giao cắt với đường Đào Tùng      | 2.10           |
| 10       | Đường Đoàn Xuân Lôi   | Giao cắt với đường Chu Văn An        | Giao cắt với đường Ngô Doãn Trù  | 2.00           |
| 11       | Đường Trần Hưng Đạo   | Giao cắt với đường Đặng Thế Công     | Giao cắt với đường Minh Đức      | 1.80           |
| 12       | Đường Trần Quốc Toản  | Giao cắt với đường Đặng Thế Công     | Giao cắt với đường Minh Đức      | 1.80           |
| 13       | Đường Trần Quang Khải | Giao cắt với đường Đặng Thế Công     | Giao cắt với đường Minh Đức      | 1.70           |

|    |                            |                                                                           |                                             |      |
|----|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------|
| 14 | Đường Trần Bình Trọng      | Giao cắt với đường Trần Quốc Toản                                         | Giao cắt với đường Minh Đức                 | 1.70 |
| 15 | Đường Văn Cao              | Giao cắt với đường Xuân Diệu<br>Tại khu dân cư hiện trạng xã Hương<br>Sơn | Giao cắt với đường gom đường sắt<br>(HN-DD) | 1.63 |
| 16 | Đường Tô Ngọc Vân          |                                                                           | Giao cắt với đường Văn Cao                  | 1.50 |
| 17 | Đường Đào Tùng             | Giao cắt với đường Đặng Thế Công                                          | Giao cắt với đường Phạm Ngọc Thạch          | 1.50 |
| 18 | Đường Đào Sư Tích          | Giao cắt với đường Đào Toàn Bản                                           | Tiếp giáp với ranh giới xã An Hà            | 1.50 |
| 19 | Đường Ngô Doãn Trù         | Giao cắt với đường Nguyễn Duy Năng                                        | Giao cắt kênh Giữa                          | 1.43 |
| 20 | Đường Nguyễn Duy Năng      | Giao cắt với đường Chu Văn An                                             | Khu đô thị phía Tây Nam, thị trấn Kép       | 1.30 |
| 21 | Đường Tạ Thúc Bình         | Giao cắt với đường Đào Tùng                                               | Giao cắt với đường Phạm Ngọc Thạch          | 1.20 |
| 22 | Đường Trần Khánh Dư        | Giao cắt với đường Trần Hưng Đạo                                          | Giao cắt với đường Đặng Thế Công            | 1.20 |
| 23 | Đường Nguyễn Thời<br>Lượng | Giao cắt với đường Đoàn Xuân Lôi                                          | Giao cắt với đường Quang Hảo                | 1.18 |
| 24 | Đường Quang Hảo            | Giao cắt với đường Ngô Doãn Trù                                           | Giao cắt kênh Giữa                          | 1.15 |
| 25 | Đường Phạm Ngũ Lão         | Giao cắt với đường Trần Hưng Đạo                                          | Giao cắt với đường Chu Văn An               | 1.10 |
| 26 | Đường Đinh Hải             | Giao cắt đường Doãn Trù                                                   | Tiếp giáp ranh giới xã Hương Lạc            | 1.07 |
| 27 | Đường Lê Văn Minh          | Giao cắt với đường Phạm Ngũ Lão                                           | Giao cắt với đường Chu Văn An               | 0.90 |
| 28 | Đường Anh Thơ              | Giao cắt với đường gom đường sắt HN-<br>DD                                | Giao cắt với đường Đặng Thế Công            | 0.89 |
| 29 | Đường Minh Đức             | Giao cắt với đường Trần Hưng Đạo                                          | Giao cắt với đường Chu Văn An               | 0.88 |
| 30 | Đường Tô Vũ                | Giao cắt với đường Hoàng Cầm                                              | Giao cắt với đường Đặng Thế Công            | 0.87 |
| 31 | Đường Bằng Bá Lân          | Giao cắt với đường Đặng Thế Công                                          | Giao cắt với phố Long Khánh                 | 0.87 |



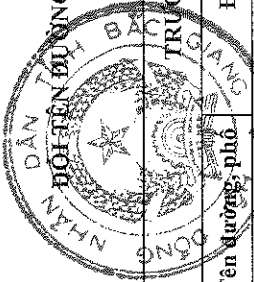
|    |                      |                                        |                                              |      |
|----|----------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------|------|
| 32 | Đường Lê Lợi         | Giao cắt với đường Trần Quốc Toản      | Tại khu đô thị trung tâm thị trấn Kép        | 0.80 |
| 33 | Đường Nguyễn Khoái   | Giao cắt với đường Trần Hưng Đạo       | Tại khu đô thị trung tâm thị trấn Kép        | 0.77 |
| 34 | Đường Trần Nhật Duật | Giao cắt với phố Giáp Đăng Luân        | Giao cắt với đường Phạm Ngũ Lão              | 0.72 |
| 35 | Đường Trần Khát Chân | Giao cắt với đường Trần Khánh Dư       | Giao cắt với đường Chu Văn An                | 0.70 |
| II | TÊN PHỐ              |                                        |                                              |      |
| 1  | Phố Nguyễn Văn Liểu  | Giao cắt với phố Giáp Trinh Tường      | Tại khu đô thị trung tâm thị trấn Kép        | 0.63 |
| 2  | Phố Ninh Triết       | Giao cắt với đường Chu Văn An          | Giao cắt với đường Nguyễn Duy Năng           | 0.55 |
| 3  | Phố Dã Tượng         | Giao cắt với đường Trần Hưng Đạo       | Giao cắt với đường Lê Văn Minh               | 0.54 |
| 4  | Phố Bùi Huy Phồn     | Giao cắt với đường Hoàng Cầm           | Giao cắt với đường Bàng Bá Lân               | 0.51 |
| 5  | Phố Tương Phố        | Giao cắt với đường Trịnh Như Tấu       | Tại khu đô thị thị trấn thị trấn Kép mở rộng | 0.50 |
| 6  | Phố Đặng Thuỳ Trâm   | Tại khu đô thị TT thị trấn Kép mở rộng | Giao cắt với phố Long Khánh                  | 0.50 |
| 7  | Phố Yết Kiêu         | Giao cắt với phố Dã Tượng              | Giao cắt với đường Minh Đức                  | 0.48 |
| 8  | Phố Dương Đình Cúc   | Giao cắt với đường Nguyễn Khoái        | Giao cắt với phố Dương Quốc Nghĩa            | 0.46 |
| 9  | Phố Giáp Trinh Tường | Giao cắt với đường Trần Hưng Đạo       | Giao cắt với đường Trần Bình Trọng           | 0.42 |
| 10 | Phố Giáp Đăng Luân   | Giao cắt với đường Trần Quốc Toản      | Giao cắt với đường Trần Khánh Dư             | 0.42 |
| 11 | Phố Dương Quốc Nghĩa | Giao cắt với đường Trần Hưng Đạo       | Giao cắt với đường Trần Bình Trọng           | 0.41 |
| 12 | Phố Long Khánh       | Giao cắt với đường Trịnh Như Tấu       | Giao cắt với đường Đặng Thế Công             | 0.40 |
| 13 | Phố Phúc Lâm         | Giao cắt với đường Nguyễn Hồng         | Giao cắt với phố Bùi Huy Phồn                | 0.40 |





BIỂU 03

**ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIỀU DÀI MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG, PHÓ ĐÁ ĐẶT TÊN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN VỚI**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



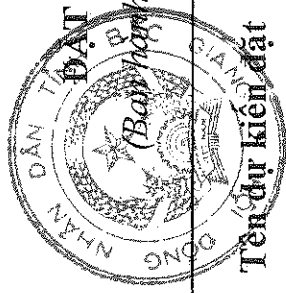
| STT | TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH                                       |                                                                      | SAU ĐIỀU CHỈNH       |                                                       | CHIỀU DÀI (Km) | GHI CHÚ                                           |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------|
|     | Tên đường, phố                                         | Điểm đầu                                                             | Tên đường, phố       | Điểm cuối                                             |                |                                                   |
| I   | <b>ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ</b>                              |                                                                      |                      |                                                       |                |                                                   |
|     | Phố Đặng Thế Công (Thị trấn Vôi)                       | Giao với đường đi CCN thị trấn Vôi (đường Hoàng Hoa Thám)            | Đường Nhật Đức       | Giao cắt với QL1A                                     | 2.60           |                                                   |
| II  | <b>ĐIỀU CHỈNH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG, PHỐ ĐÁ ĐƯỢC ĐẶT TÊN</b> |                                                                      |                      |                                                       |                |                                                   |
| 1   | Đường Cán Trạm                                         | Giao với lối vào Trung tâm y tế huyện, giáp xã Yên Mỹ                | Đường Cán Trạm       | Giao với lối vào Trung tâm y tế huyện, giáp xã Yên Mỹ | 4.00           | Điều chỉnh tăng chiều dài từ 2,1km thành 4km      |
| 2   | Đường Nguyễn Trãi                                      | Tiếp giáp với Cầu Ván, giáp xã Yên Mỹ                                | Đường Nguyễn Trãi    | Tiếp giáp với đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn      | 2.95           | Điều chỉnh tăng chiều dài từ 0,72km thành 2,95km  |
| 3   | Đường Hồ Cát                                           | Giao cắt với đường tỉnh Đại Lâm - An Hà đi ngã tư Đồng Bằng xã An Hà | Đường Hồ Cát         | Tiếp giáp với xã Yên Mỹ                               | 2,9            | Điều chỉnh tăng chiều dài từ 1,86km thành 2,9km   |
| 4   | Đường Hoàng Hoa Thám                                   | Giao cắt với ĐT.295                                                  | Đường Hoàng Hoa Thám | Giao cắt với phố Lê Lý                                | 1.40           | Điều chỉnh tăng chiều dài từ 0,8km thành 1,4km    |
| 5   | Đường Giáp Hải                                         | Giao cắt với ĐT.295                                                  | Đường Giáp Hải       | Giao cắt với đường Lê Lợi                             | 0.86           | Điều chỉnh giảm chiều dài từ 1,46 Km thành 0,86Km |



BIỂU 04

**ĐẶT TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LẠNG GIANG**

kèm theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



| STT | Tên dự kiến đặt          | Vị trí                                                                                                                                                                                                                | Lý do đặt tên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Quy mô (ha) |
|-----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1   | <b>Quảng trường 25/3</b> | <p>Khu Quảng trường Trung tâm huyện Lạng Giang nằm ở phía trước khu hành chính của huyện.</p> <p>Địa chỉ: TDP Toàn Mỹ, thị trấn Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang.</p> <p>Đây là trung tâm văn hoá, chính trị của huyện.</p> | <p>Ngày 25/3/1948, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Sắc lệnh số 148-SL, bãi bỏ các danh từ, phủ, châu, quận để thống nhất gọi là huyện. Thực hiện Sắc Lệnh của Chủ tịch nước, phủ Lạng Giang gọi là huyện Lạng Giang. Huyện Lạng Giang khi đó bao gồm 30 xã: An Hà, Bảo Đài, Bảo Sơn, Đại Lâm, Đào Mỹ, Dĩnh Kế, Dĩnh Trì, Dương Đức, Hòa Bình A, Hương Lạc, Hương Sơn, Mỹ Hà, Mỹ Thái, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, Phi Mô, Phương Sơn, Quang Thịnh, Tam Di, Tân Dĩnh, Tân Hưng, Tân Lập, Tân Thanh, Tân Thịnh, Thái Đào, Tiên Hưng, Tiên Lục, Xuân Hương, Xương Lâm và Yên Mỹ. Để ghi nhớ ngày 25/3 là ngày huyện Lạng Giang được thành lập, do vậy đặt tên Quảng trường 25/3 tại khuôn viên trung tâm huyện là phù hợp.</p> | 2.45        |

